

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang

Ngày 31/12/2025	68,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q4/25
2,741
tỷ VNĐ
QoQ: ▼76.0 -2.7%
YoY: ▲ 323 13.3%

LN thuần Q4/25
744
tỷ VNĐ
QoQ: ▼160 -17.7%
YoY: ▼125 -14.4%

LN sau thuế Q4/25
657
tỷ VNĐ
QoQ: ▼147 -18.3%
YoY: ▼130 -16.5%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
32.4%
YoY: +/-▼ 2.3%

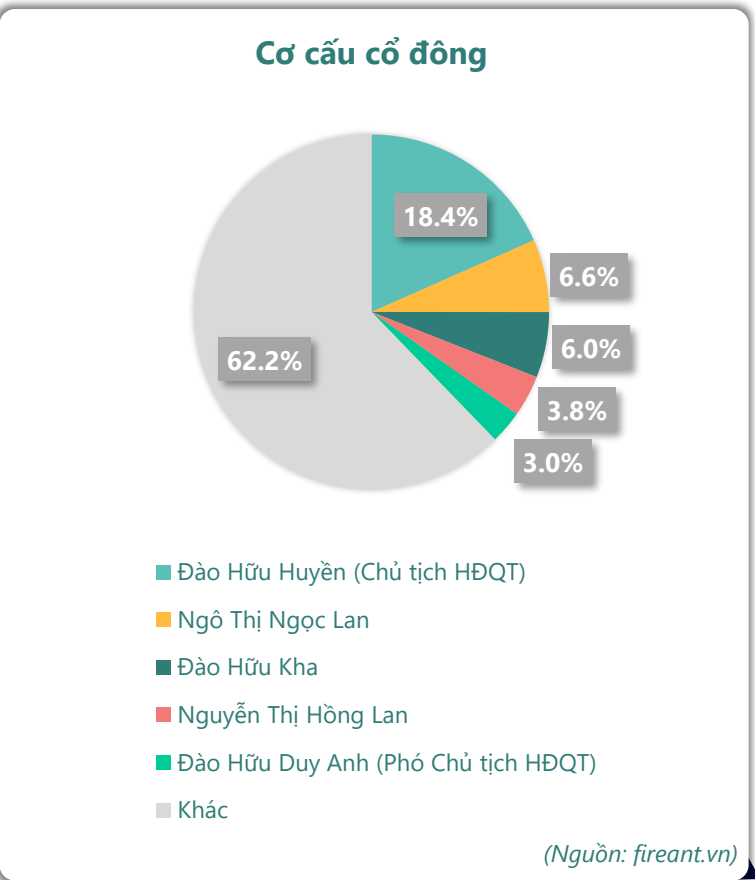
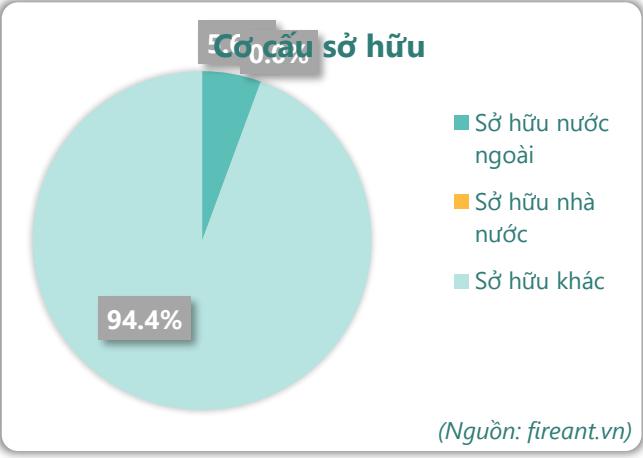
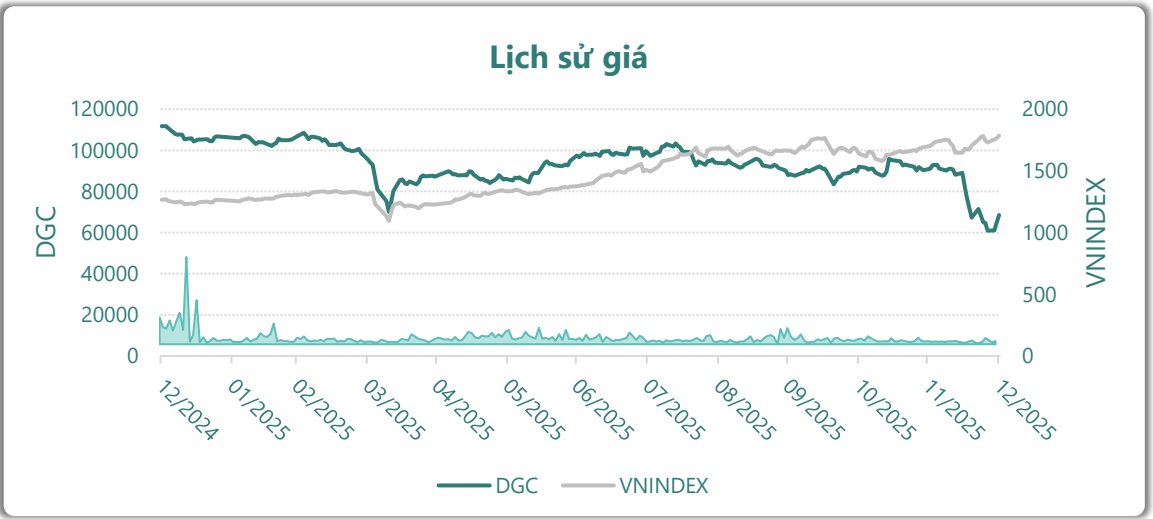
ROE 2025
20.8%
YoY: +/-▼ 2.4%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	60,900 - 111,715
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	26,015
Số lượng CPLH (CP)	379,778,413
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,187,190
Sở hữu nước ngoài	5.6%
Beta	0.59
EPS	7,965
P/E	8.6

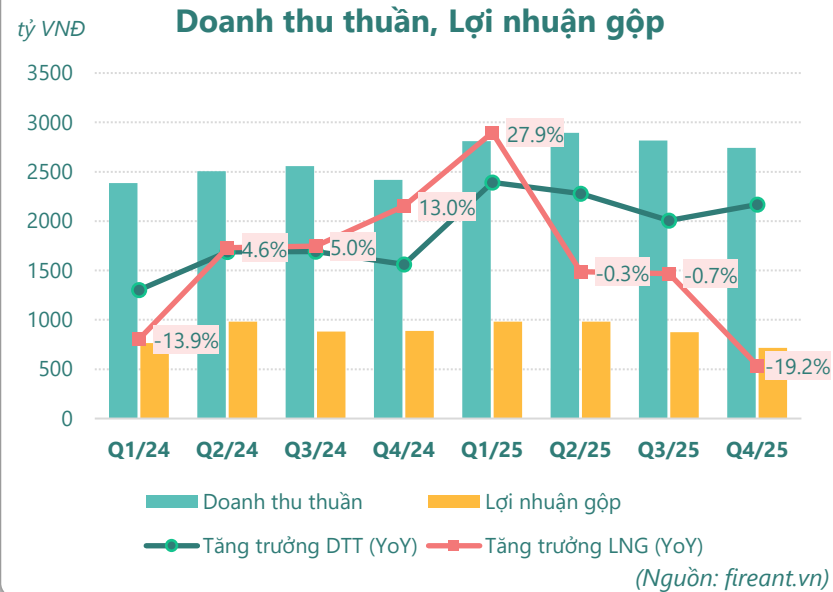
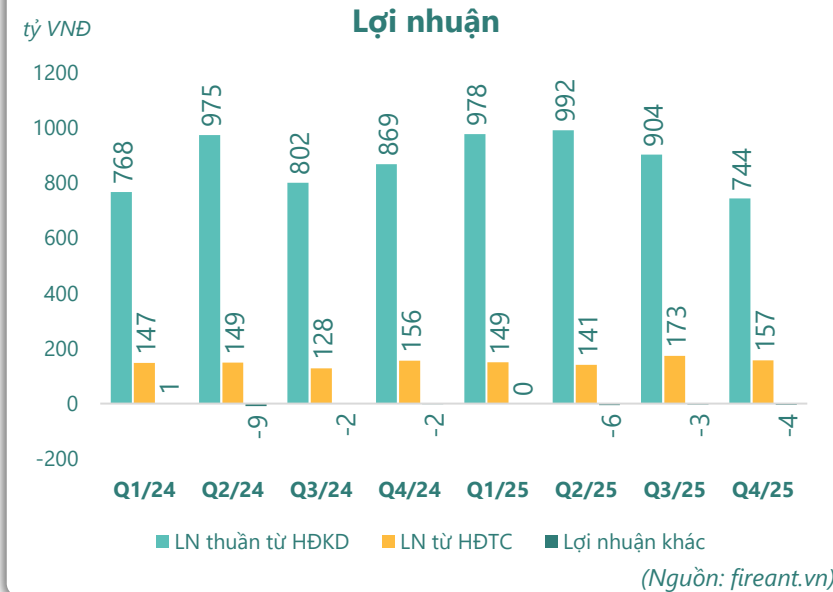
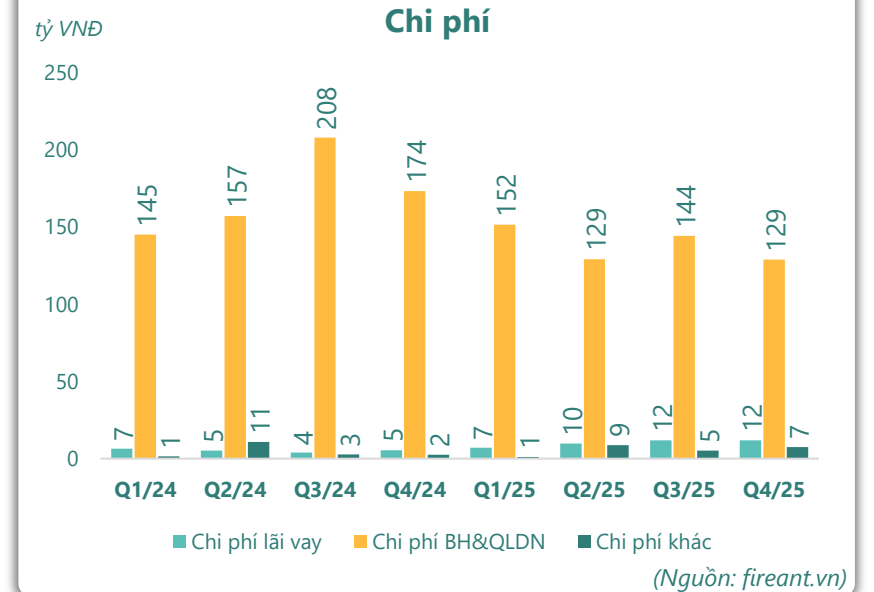
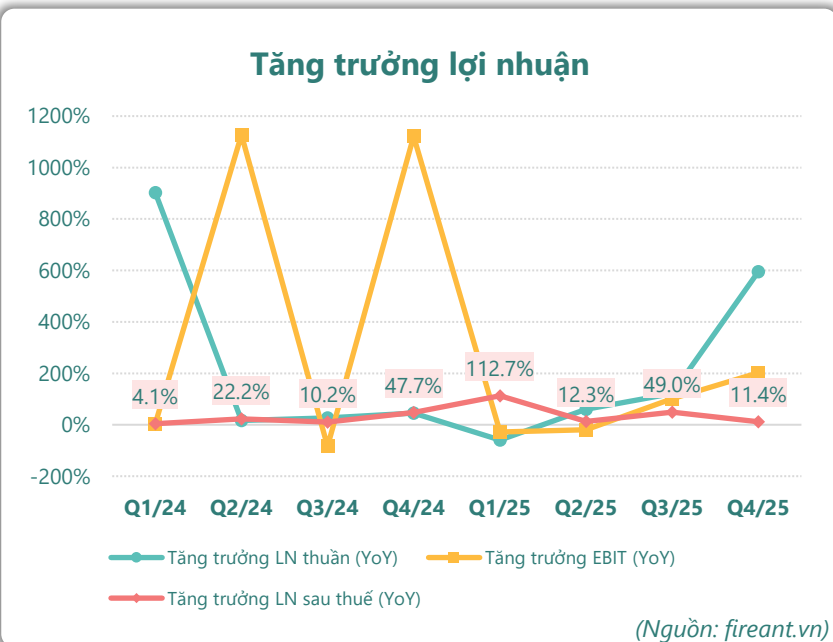
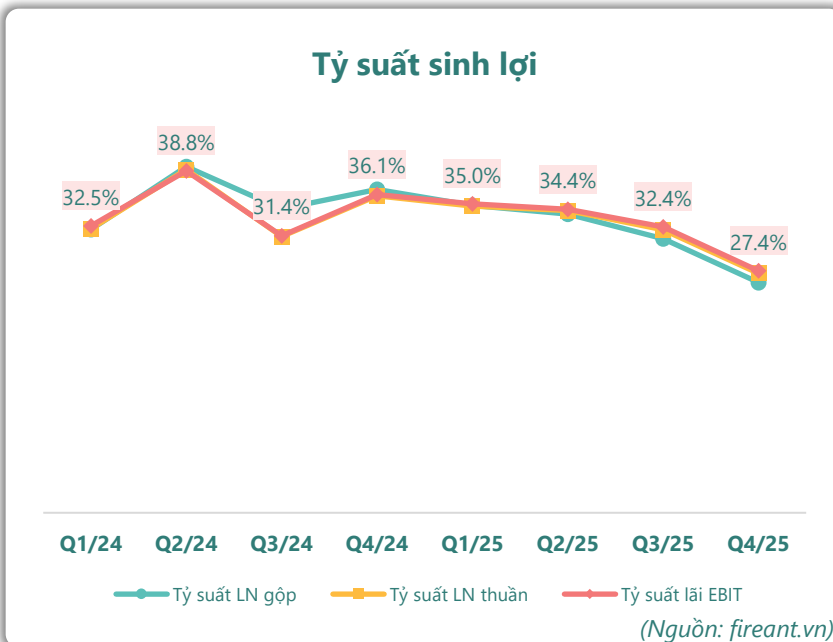
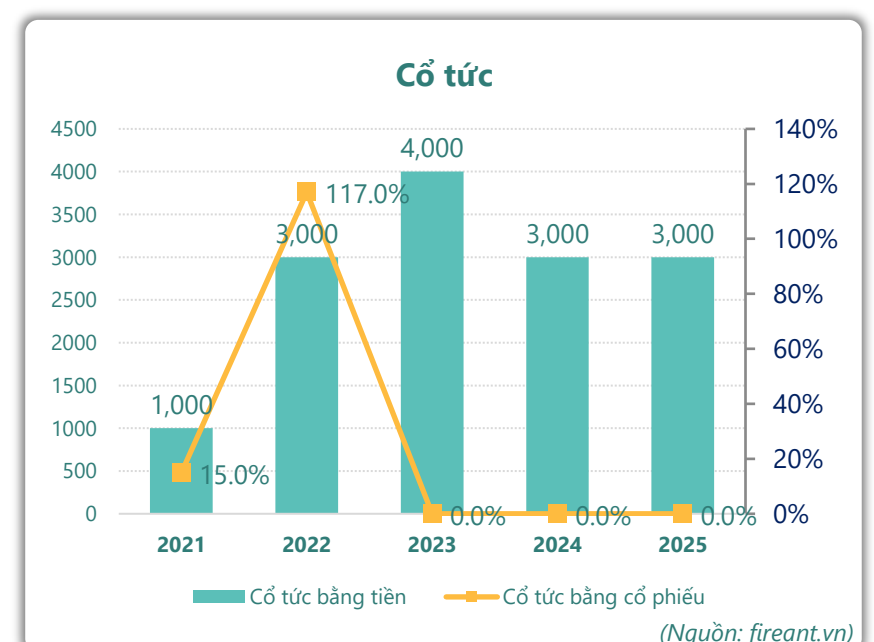
DT thuần 2025
11,262
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1,397 14.2%

LN thuần 2025
3,619
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 207 6.1%

LN sau thuế 2025
3,189
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 82.0 2.6%



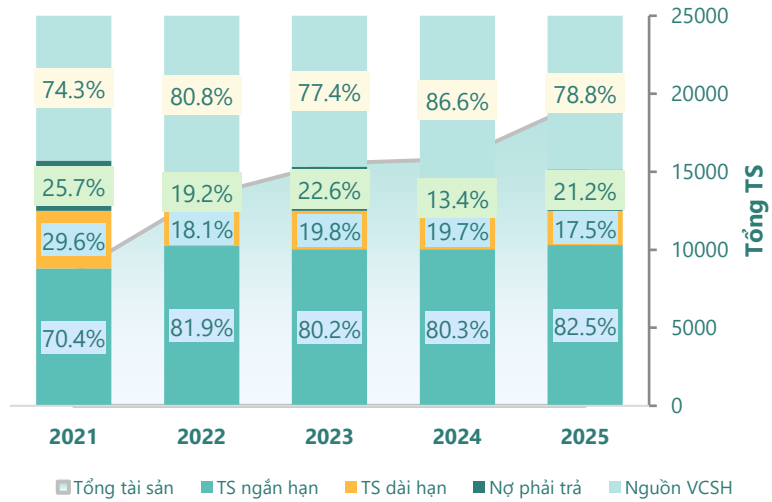
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

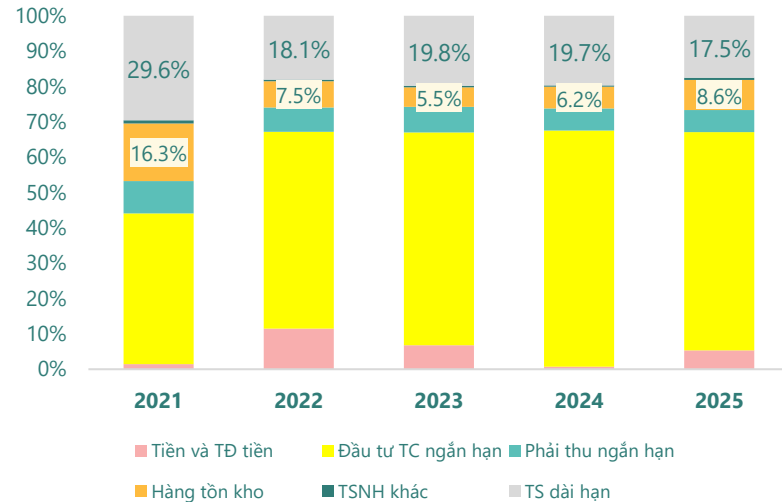
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

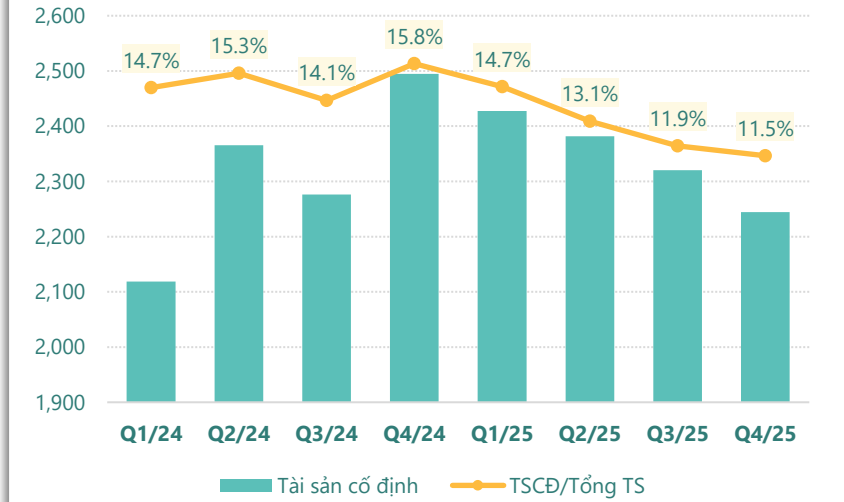
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

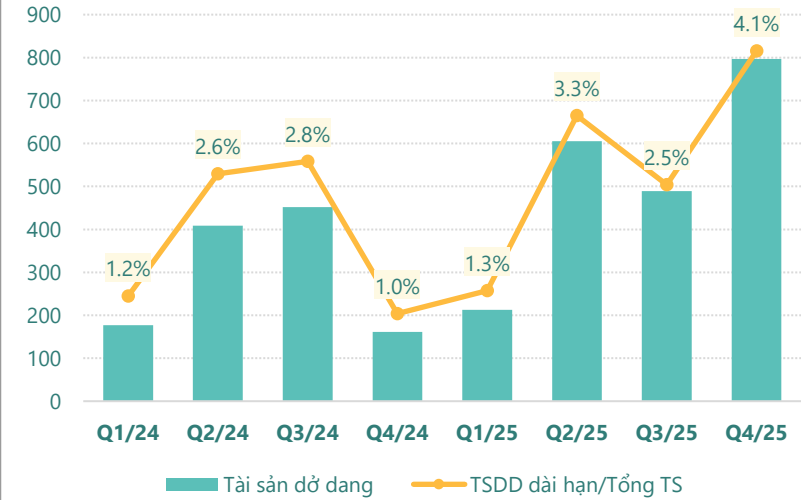
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

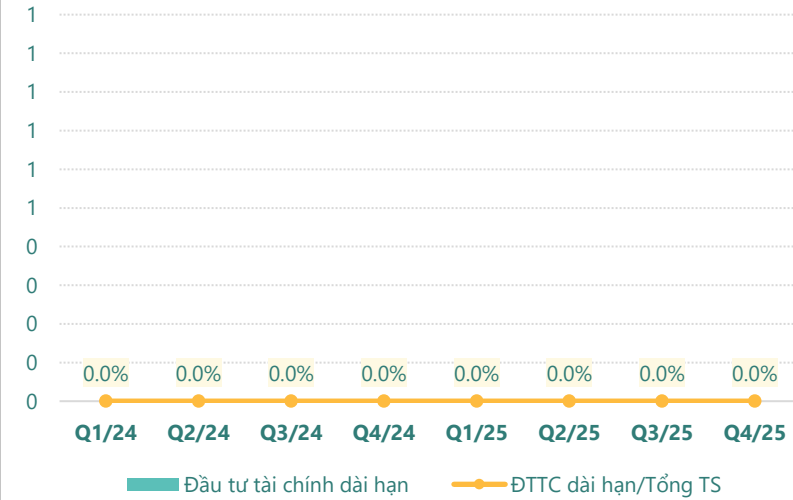
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

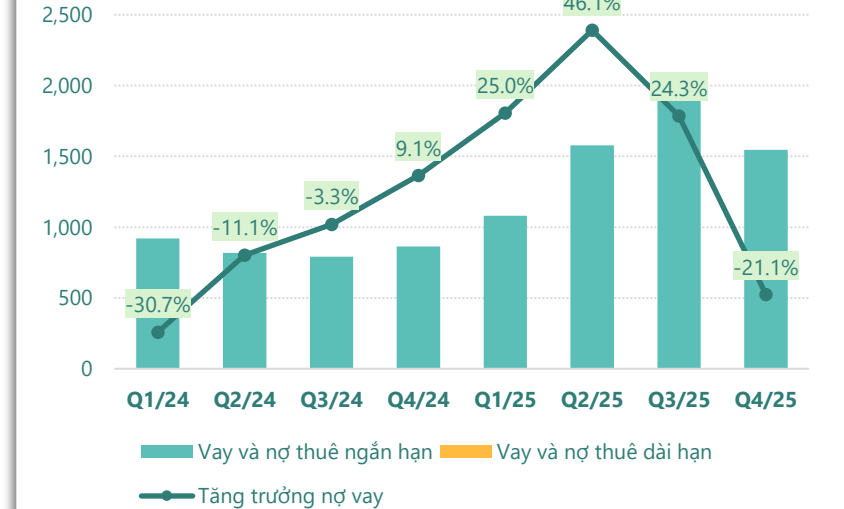
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

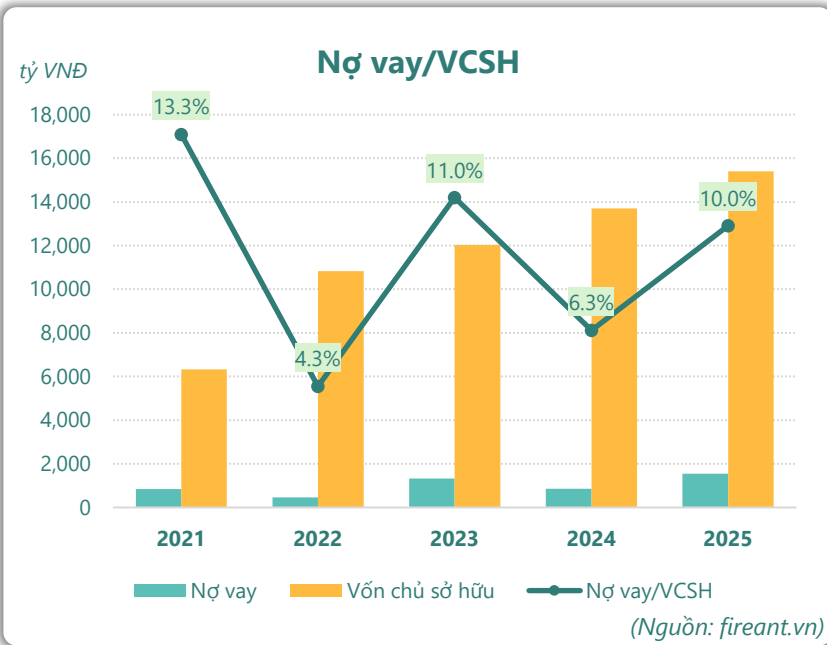
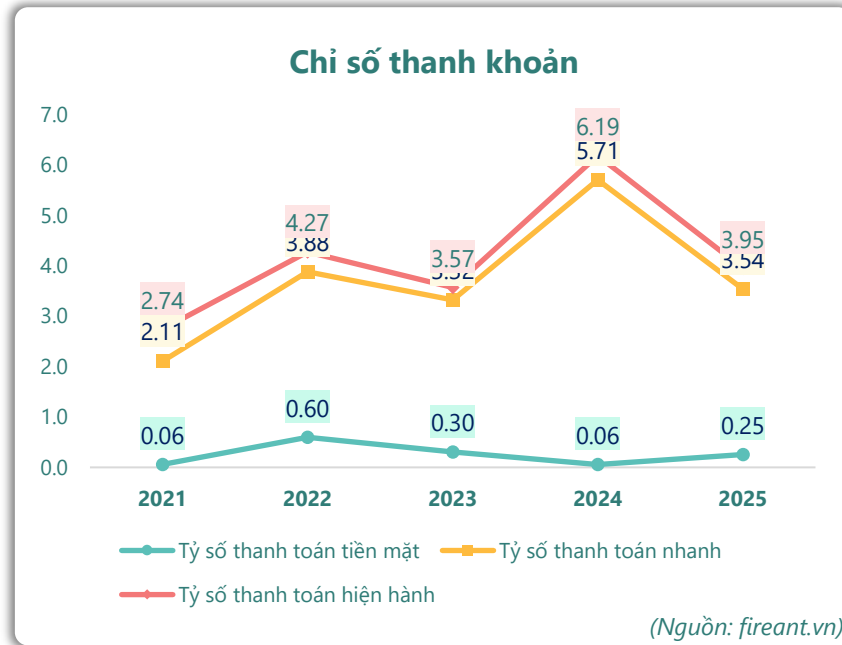
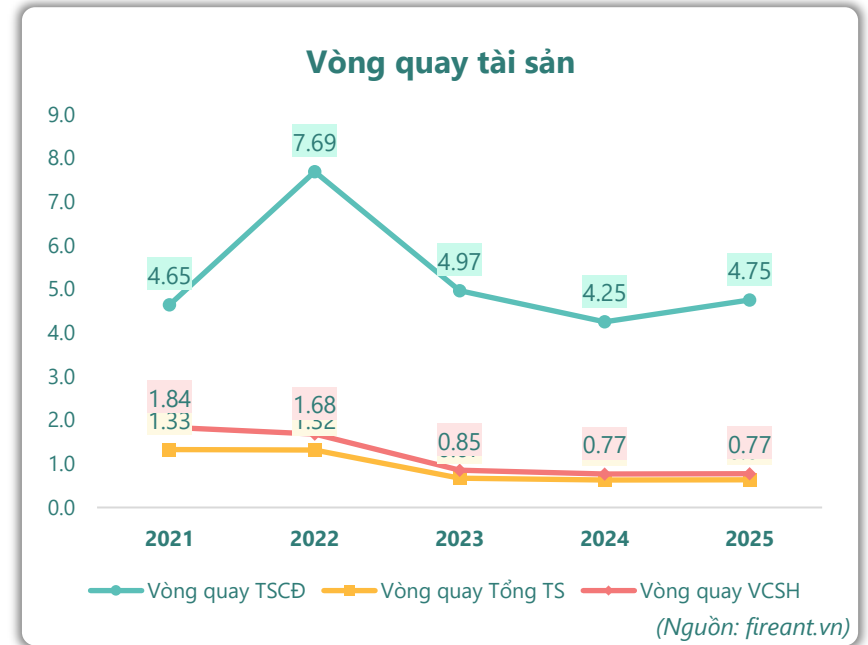
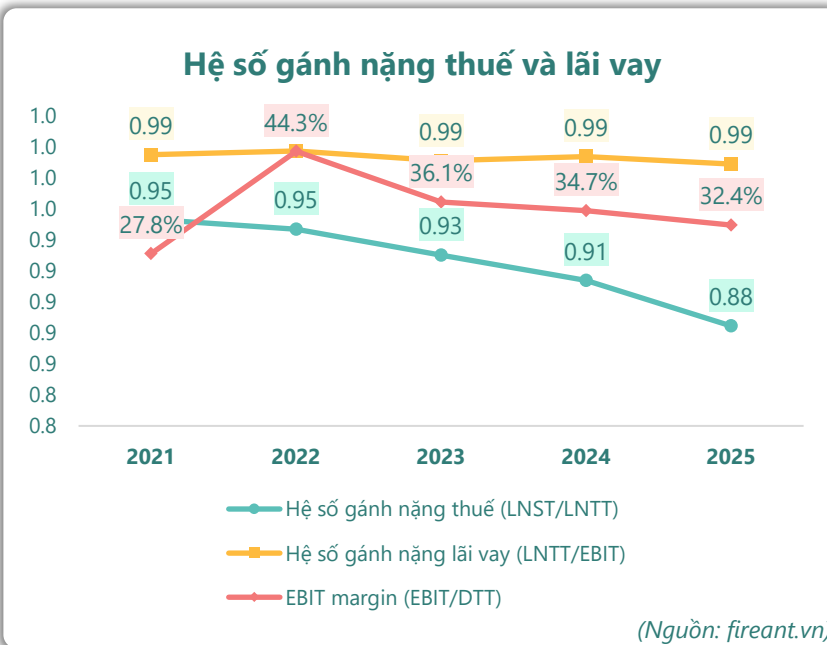
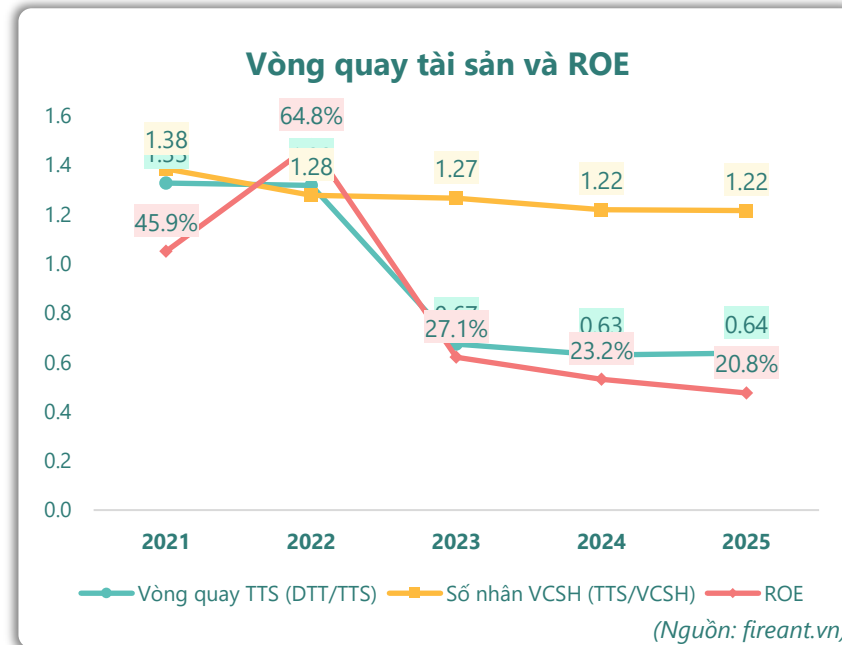
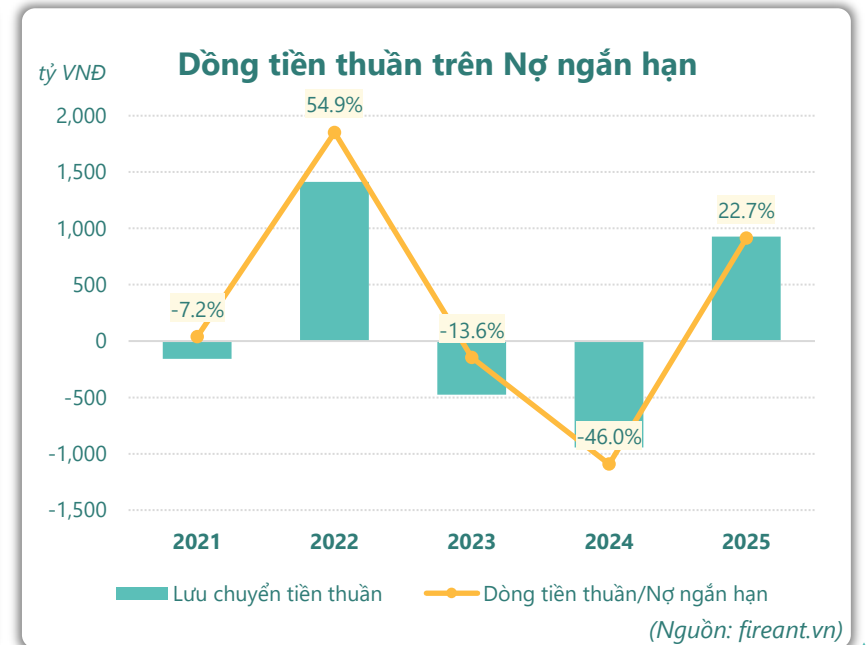
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,741	2,418	13.3%	11,262	9,865	14.2%
Giá vốn hàng bán	2,025	1,531	32.2%	7,709	6,415	20.2%
Lợi nhuận gộp	716	887	-19.3%	3,553	3,449	3.0%
Doanh thu HĐTC	186	168	11.0%	729	649	12.2%
Chi phí TC	29.2	12.2	140%	108	69.1	56.1%
Chi phí lãi vay	12.0	5.38	122%	40.8	21.7	88.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	86.8	124	-30.0%	382	447	-14.5%
Chi phí QLDN	42.2	49.9	-15.3%	172	171	0.9%
LN thuần từ HĐKD	744	869	-14.4%	3,619	3,412	6.1%
Lợi nhuận khác	-4.16	-2.00	-108%	-13.4	-11.6	-16.0%
LN trước thuế	740	867	-14.6%	3,606	3,400	6.0%
Lợi nhuận sau thuế	657	787	-16.5%	3,189	3,107	2.6%
LNST của CĐ cty mẹ	622	749	-17.0%	3,025	2,987	1.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,022	248	346	624	281	786
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1,256	699	-486	-1,073	-530	332
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-17.4	-1,066	215	452	396	-414
Tiền đầu kỳ	500	248	116	190	191	339
Lưu chuyển tiền thuần	-252	-119	74.7	2.16	146	704
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0.25	0	-1.30	1.30	-2.44
Tiền cuối kỳ	248	130	190	191	339	1,041

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	19,550	15,821	23.6%
Tài sản ngắn hạn	16,124	12,701	27.0%
Tiền và tương đương tiền	1,041	116	799%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12,065	10,570	14.1%
Phải thu ngắn hạn	1,220	980	24.6%
Hàng tồn kho	1,681	985	70.7%
Tài sản ngắn hạn khác	116	50.1	132%
Tài sản dài hạn	3,427	3,121	9.8%
Phải thu dài hạn	17.5	32.5	-46.0%
Tài sản cố định	2,244	2,496	-10.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	797	161	394%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	318	374	-15.1%
Lợi thế thương mại	50.1	57.3	-12.6%
Nợ phải trả	4,144	2,120	95.5%
Nợ ngắn hạn	4,081	2,053	98.7%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,546	865	78.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	204	313	-34.9%
Nợ dài hạn	63.6	66.9	-4.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	15,406	13,701	12.4%
Vốn chủ sở hữu	15,406	13,701	12.4%
Vốn điều lệ	3,798	3,798	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

